

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 13/2024/HS-ST
Ngày 19-6-2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Soái

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Kim Quy và ông Phạm Thế Chiến.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Bảo Thuy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa:
bà Bùi Thị Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2024/TLST-HS ngày 30 tháng 4 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2024; thông báo thay đổi ngày mở phiên tòa số 12A/TB-TA ngày 11/6/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị Thanh N; sinh năm: 1976 tại: tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Tổ dân phố B, TT. B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Tiến M và bà Nguyễn Thị P; Bị cáo có 04 người con, con lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2017.

Tiền án: 01 tiền án. Tại bản án hình sự phúc thẩm số 363/HSPT ngày 22/12/2011, TAND tỉnh Đắk Lắk xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội chứa mại dâm, chấp hành hình phạt tù xong ngày 19/11/2022, chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/01/2024 đến ngày 08/01/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Vân A, sinh năm 1990.

Trú tại: Số A H, tổ dân phố D, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2. Ông Bùi Văn H, sinh năm 1984.

Trú tại: Buôn Ê, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

3. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1979.

Trú tại: Đ, thôn E, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

4. Ông Nguyễn Hoài T, sinh năm 1984.

Trú tại: Buôn Ê, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

5. Bà Nguyễn Thị P1, sinh năm 1975.

Trú tại: Tổ dân phố D, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Tất cả người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 11/2022, sau khi chấp hành án phạt tù xong về địa phương, do không có việc làm ổn định nên Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1976, trú tại TDP4, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nơi ở hiện nay: TDP6, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk) nảy sinh ý định cho vay tiền với lãi suất cao nhằm thu lợi bất chính. Tháng 01/2023, N sử dụng số tiền 100.000.000 đồng tích góp được từ trước để bắt đầu hoạt động cho vay, N chỉ cho những người quen biết hoặc có ai giới thiệu thì mới cho vay, N cho vay tiền dưới hình thức vay tiền góp: nếu vay 2.500.000 đồng sẽ trả cho N trong 30 ngày, mỗi ngày trả 100.000 đồng cả gốc và lãi, nên khi thu đủ N sẽ thu được 2.500.000 đồng tiền gốc và 500.000 đồng tiền lãi (tương ứng với lãi suất 243,3%/năm); nếu vay 10.000.000 đồng sẽ đóng trong 30 ngày, mỗi ngày 400.000 đồng cả gốc và lãi, nên khi thu đủ N sẽ thu được 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi (tương ứng với lãi suất 243,3%/năm). Đối với một số người thân quen với N, nếu vay 10.000.000 đồng sẽ đóng trong 60 ngày, mỗi ngày đóng 200.000 đồng cả gốc và lãi, nên khi thu đủ N sẽ thu được 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi (tương ứng với lãi suất 121,6%/năm). Những người vay tiền đều là những người có quen biết nên N không cần phải đến nhà để xác minh và giữ giấy tờ hay tài sản gì của người vay tiền. Trong quá trình hoạt động cho vay tiền với lãi suất cao, N sử dụng số điện thoại 0857720721 gắn trong điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, màu trắng, số IMEI 1: 353110101430858; IMEI 2: 353110101340958 và sử dụng số tài khoản 6464667667667 mở tại ngân hàng M1 mang tên N để nhận và chuyển tiền cho người vay hoặc là nhận và chuyển tiền trực tiếp với người vay. Để quản lý, theo dõi hoạt động cho vay tiền thì N có ghi chép lại toàn bộ thông tin người vay tiền vào các cuốn vở học sinh.

Từ tháng 01/2023 đến tháng 01/2024, N đã trực tiếp cho nhiều người trên địa bàn huyện K; thành phố B vay tiền, thu tiền gốc và tiền lãi với nhiều mức lãi suất, N đã cho 05 người vay tiền với mức lãi suất từ 121,6%/năm đến 243,3%/năm, cụ thể như sau:

1. Chị Nguyễn Thị Vân A, sinh năm 1990, trú tại: Tổ dân phố D, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vay 01 lần: Vào ngày 03/01/2024, vay 5.000.000 đồng, đóng trong vòng 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000 đồng tiền gốc và lãi, khoản vay này N đã thu trước được 05 ngày, với 833.333 đồng tiền gốc và 166.667 đồng tiền lãi, tương ứng với lãi suất 243,3%/năm, còn nợ 25 ngày với số tiền 5.000.000 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 13.699 đồng nên N đã thu lợi bất chính số tiền **152.968 đồng**.

2. Anh Bùi Văn H, sinh năm 1984, trú tại: buôn Ê, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vay 01 lần: Vào ngày 15/12/2023, vay 5.000.000 đồng, đóng trong vòng 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000 đồng tiền gốc và lãi, khoản vay này N đã thu trước được 10 ngày, với 1.666.667 đồng tiền gốc và 333.333 đồng tiền lãi, tương ứng với lãi suất 243,3%/năm, còn nợ 20 ngày với số tiền 4.000.000 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 27.397 đồng nên N đã thu lợi bất chính số tiền **305.936 đồng**.

3. Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1979, trú tại: Thôn E, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vay:

* Dây 1: 03 lần

Lần 1: Ngày 11/5/2023, vay 2.500.000 đồng, đóng trong 30 ngày, mỗi ngày đóng 100.000 đồng tiền gốc và lãi. Khoản vay này N đã thu đủ 2.500.000 đồng tiền gốc và 500.000 đồng tiền lãi, tương ứng với lãi suất 243,3%/năm. Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 41.096 đồng nên N đã thu lợi bất chính số tiền **458.904 đồng**.

Lần 2: Ngày 16/6/2023, vay 2.500.000 đồng, đóng trong 30 ngày, mỗi ngày đóng 100.000 đồng tiền gốc và lãi. Khoản vay này N đã thu đủ 2.500.000 đồng tiền gốc và 500.000 đồng tiền lãi, tương ứng với lãi suất 243,3%/năm. Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 41.096 đồng nên N đã thu lợi bất chính số tiền **458.904 đồng**.

Lần 3: Ngày 01/8/2023, vay N 2.500.000 đồng, đóng trong 30 ngày, mỗi ngày đóng 100.000 đồng tiền gốc và lãi. Khoản vay này N đã thu đủ 2.500.000 đồng tiền gốc và 500.000 đồng tiền lãi, tương ứng với lãi suất 243,3%/năm. Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 41.096 đồng nên N đã thu lợi bất chính số tiền **458.904 đồng**.

* Dây 2: 04 lần

Lần 1: Ngày 16/5/2023, vay 5.000.000 đồng, đóng trong 30 ngày, mỗi ngày đóng 200.000 đồng tiền gốc và lãi. Khoản vay này N đã thu đủ 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi, tương ứng với lãi suất 243,3%/năm. Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 82.192 đồng nên N đã thu lợi bất chính số tiền **917.808 đồng**.

Lần 2: Vào ngày 31/5/2023, vay 5.000.000 đồng, đóng trong 30 ngày, mỗi ngày đóng 200.000 đồng tiền gốc và lãi. Khoản vay này N đã thu đủ 5.000.000

đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi, tương ứng với lãi suất 243,3%/năm. Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 82.192 đồng nên N đã thu lợi bất chính số tiền **917.808 đồng**.

Lần 3: Vào ngày 14/6/2023, vay 5.000.000 đồng, đóng trong 30 ngày, mỗi ngày đóng 200.000 đồng tiền gốc và lãi. Khoản vay này N đã thu đủ 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi, tương ứng với lãi suất 243,3%/năm. Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 82.192 đồng nên N đã thu lợi bất chính số tiền **917.808 đồng**.

Lần 4: Vào ngày 17/7/2023, vay 5.000.000 đồng, đóng trong 30 ngày, mỗi ngày đóng 200.000 đồng tiền gốc và lãi. Khoản vay này N đã thu đủ 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi, tương ứng với lãi suất 243,3%/năm. Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 82.192 đồng nên N đã thu lợi bất chính số tiền **917.808 đồng**.

* **Dây 3: 01 lần:** Vào ngày 25/9/2023, vay 20.000.000 đồng, đóng trong 60 ngày, mỗi ngày đóng 400.000 đồng tiền gốc và lãi. Khoản vay này N đã thu được được 40 ngày, với 13.333.333 đồng tiền gốc và 2.666.667 đồng tiền lãi, tương ứng với lãi suất 121,6%/năm, còn nợ 20 ngày với số tiền 8.000.000 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 438.356 đồng nên N đã thu lợi bất chính số tiền **2.228.311 đồng**.

Như vậy, N đã cho chị H1 vay tổng số tiền **47.500.000 đồng**, N thu lợi bất chính số tiền là **7.276.255 đồng**.

4. Anh Nguyễn Hoài T, sinh năm 1984, trú tại: buôn Ê, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vay 20 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 20/01/2023, vay 10.000.000 đồng, đóng trong 30 ngày, mỗi ngày đóng 400.000 đồng tiền gốc và lãi. Khoản vay này N đã thu đủ 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi, tương ứng với lãi suất 243,3%/năm. Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 164.384 đồng nên N đã thu lợi bất chính số tiền **1.835.616 đồng**.

Lần 2: Ngày 08/02/2023, vay 20.000.000 đồng, đóng trong 30 ngày, mỗi ngày đóng 800.000 đồng tiền gốc và lãi. Khoản vay này N đã thu đủ 20.000.000 đồng tiền gốc và 4.000.000 đồng tiền lãi, tương ứng với lãi suất 243,3%/năm. Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 328.767 đồng nên N đã thu lợi bất chính số tiền **3.671.233 đồng**.

Lần 3: Ngày 26/4/2023, vay 10.000.000 đồng, đóng trong 30 ngày, mỗi ngày đóng 400.000 đồng tiền gốc và lãi. Khoản vay này N đã thu đủ 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi, tương ứng với lãi suất 243,3%/năm. Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 164.384 đồng nên N đã thu lợi bất chính số tiền **1.835.616 đồng**.

Lần 4: Ngày 27/4/2023, vay 10.000.000 đồng, đóng trong 30 ngày, mỗi ngày đóng 400.000 đồng tiền gốc và lãi. Khoản vay này N đã thu đủ 10.000.000

đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi, tương ứng với lãi suất 243,3%/năm. Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 164.384 đồng nên N đã thu lợi bất chính số tiền **1.835.616 đồng**.

Lần 5: Ngày 28/4/2023, vay 10.000.000 đồng, đóng trong 30 ngày, mỗi ngày đóng 400.000 đồng tiền gốc và lãi. Khoản vay này N đã thu đủ 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi, tương ứng với lãi suất 243,3%/năm. Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 164.384 đồng nên N đã thu lợi bất chính số tiền **1.835.616 đồng**.

Lần 6: Ngày 29/4/2023, vay 10.000.000 đồng, đóng trong 30 ngày, mỗi ngày đóng 400.000 đồng tiền gốc và lãi. Khoản vay này N đã thu đủ 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi, tương ứng với lãi suất 243,3%/năm. Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 164.384 đồng nên N đã thu lợi bất chính số tiền **1.835.616 đồng**.

Lần 7: Ngày 07/5/2023, vay 20.000.000 đồng, đóng trong 30 ngày, mỗi ngày đóng 800.000 đồng tiền gốc và lãi. Khoản vay này N đã thu đủ 20.000.000 đồng tiền gốc và 4.000.000 đồng tiền lãi, tương ứng với lãi suất 243,3%/năm. Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 328.767 đồng nên N đã thu lợi bất chính số tiền **3.671.233 đồng**.

Lần 8: Ngày 19/5/2023, vay 10.000.000 đồng, đóng trong 30 ngày, mỗi ngày đóng 400.000 đồng tiền gốc và lãi. Khoản vay này N đã thu đủ 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi, tương ứng với lãi suất 243,3%/năm. Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 164.384 đồng nên N đã thu lợi bất chính số tiền **1.835.616 đồng**.

Lần 9: Ngày 20/5/2023, vay 10.000.000 đồng, đóng trong 30 ngày, mỗi ngày đóng 400.000 đồng tiền gốc và lãi. Khoản vay này N đã thu đủ 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi, tương ứng với lãi suất 243,3%/năm. Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 164.384 đồng nên N đã thu lợi bất chính số tiền **1.835.616 đồng**.

Lần 10: Ngày 21/5/2023, vay 10.000.000 đồng, đóng trong 30 ngày, mỗi ngày đóng 400.000 đồng tiền gốc và lãi. Khoản vay này N đã thu đủ 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi, tương ứng với lãi suất 243,3%/năm. Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 164.384 đồng nên N đã thu lợi bất chính số tiền **1.835.616 đồng**.

Lần 11: Ngày 01/6/2023, vay 10.000.000 đồng, đóng trong 30 ngày, mỗi ngày đóng 400.000 đồng tiền gốc và lãi. Khoản vay này N đã thu đủ 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi, tương ứng với lãi suất 243,3%/năm. Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 164.384 đồng nên N đã thu lợi bất chính số tiền **1.835.616 đồng**.

Lần 12: Ngày 07/6/2023, vay 10.000.000 đồng, đóng trong 30 ngày, mỗi ngày đóng 400.000 đồng tiền gốc và lãi. Khoản vay này N đã thu đủ 10.000.000

đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi, tương ứng với lãi suất 243,3%/năm. Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 164.384 đồng nên N đã thu lợi bất chính số tiền **1.835.616 đồng**.

Lần 13: Ngày 08/6/2023, vay N 10.000.000 đồng, đóng trong 30 ngày, mỗi ngày đóng 400.000 đồng tiền gốc và lãi. Khoản vay này N đã thu đủ 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi, tương ứng với lãi suất 243,3%/năm. Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 164.384 đồng nên N đã thu lợi bất chính số tiền **1.835.616 đồng**.

Lần 14: Ngày 13/6/2023, vay N 10.000.000 đồng, đóng trong 30 ngày, mỗi ngày đóng 400.000 đồng tiền gốc và lãi. Khoản vay này N đã thu đủ 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi, tương ứng với lãi suất 243,3%/năm. Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 164.384 đồng nên N đã thu lợi bất chính số tiền **1.835.616 đồng**.

Lần 15: Ngày 21/6/2023, vay 10.000.000 đồng, đóng trong 30 ngày, mỗi ngày đóng 400.000 đồng tiền gốc và lãi. Khoản vay này N đã thu đủ 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi, tương ứng với lãi suất 243,3%/năm. Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 164.384 đồng nên N đã thu lợi bất chính số tiền **1.835.616 đồng**.

Lần 16: Ngày 28/6/2023, vay 20.000.000 đồng, đóng trong 30 ngày, mỗi ngày đóng 800.000 đồng tiền gốc và lãi. Khoản vay này N đã thu đủ 20.000.000 đồng tiền gốc và 4.000.000 đồng tiền lãi, tương ứng với lãi suất 243,3%/năm. Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 328.767 đồng nên N đã thu lợi bất chính số tiền **3.671.233 đồng**.

Lần 17: Ngày 30/6/2023, vay 10.000.000 đồng, đóng trong 30 ngày, mỗi ngày đóng 400.000 đồng tiền gốc và lãi. Khoản vay này N đã thu đủ 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi, tương ứng với lãi suất 243,3%/năm. Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 164.384 đồng nên N đã thu lợi bất chính số tiền **1.835.616 đồng**.

Lần 18: Ngày 07/7/2023, vay 20.000.000 đồng, đóng trong 30 ngày, mỗi ngày đóng 800.000 đồng tiền gốc và lãi. Khoản vay này N đã thu đủ 20.000.000 đồng tiền gốc và 4.000.000 đồng tiền lãi, tương ứng với lãi suất 243,3%/năm. Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 328.767 đồng nên N đã thu lợi bất chính số tiền **3.671.233 đồng**.

Lần 19: Ngày 18/7/2023, vay của N 20.000.000 đồng, đóng trong 30 ngày, mỗi ngày đóng 800.000 đồng tiền gốc và lãi. Khoản vay này N đã thu đủ 20.000.000 đồng tiền gốc và 4.000.000 đồng tiền lãi, tương ứng với lãi suất 243,3%/năm. Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 328.767 đồng nên N đã thu lợi bất chính số tiền **3.671.233 đồng**.

Lần 20: Ngày 29/7/2023, vay 10.000.000 đồng, đóng trong 30 ngày, mỗi ngày đóng 400.000 đồng tiền gốc và lãi. Khoản vay này N đã thu đủ 10.000.000

đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi, tương ứng với lãi suất 243,3%/năm. Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 164.384 đồng nên N đã thu lợi bất chính số tiền **1.835.616 đồng**.

Như vậy, tổng số tiền N cho anh T vay là **250.000.000 đồng**, N thu lợi bất chính tổng số tiền **45.890.405 đồng**.

5. Chị Nguyễn Thị P1, sinh năm 1975, trú tại: Tổ dân phố D, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vay 05 lần:

Lần 1: Ngày 01/02/2023, vay 5.000.000 đồng, đóng trong 60 ngày, mỗi ngày đóng 100.000 đồng tiền gốc và lãi. Khoản vay này N đã thu đủ 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi, tương ứng với lãi suất **121,6%/năm**. Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 164.384 đồng nên N đã thu lợi bất chính số tiền **835.616 đồng**.

Lần 2: Ngày 18/3/2023, vay 15.000.000 đồng, đóng trong 60 ngày, mỗi ngày đóng 300.000 đồng tiền gốc và lãi. Khoản vay này N đã thu đủ 15.000.000 đồng tiền gốc và 3.000.000 đồng tiền lãi, tương ứng với lãi suất **121,6%/năm**). Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 493.151 đồng nên N đã thu lợi bất chính số tiền **2.506.849 đồng**.

Lần 3: Ngày 24/4/2023, vay 15.000.000 đồng, đóng trong 60 ngày, mỗi ngày đóng 300.000 đồng tiền gốc và lãi. Khoản vay này N đã thu đủ 15.000.000 đồng tiền gốc và 3.000.000 đồng tiền lãi, tương ứng với lãi suất 121,6%/năm. Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 493.151 đồng nên N đã thu lợi bất chính số tiền **2.506.849 đồng**.

Lần 4: Ngày 19/6/2023, vay 20.000.000 đồng, đóng trong 60 ngày, mỗi ngày đóng 400.000 đồng tiền gốc và lãi. Khoản vay này N đã thu được 35 ngày, với 11.666.667 đồng tiền gốc và 2.333.333 đồng tiền lãi, tương ứng với lãi suất 121,6%/năm, còn nợ 25 ngày với số tiền 10.000.000 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 383.562 đồng nên N đã thu lợi bất chính số tiền **1.949.771 đồng**.

Lần 5: Ngày 05/7/2023, vay 20.000.000 đồng, đóng trong 60 ngày, mỗi ngày đóng 400.000 đồng tiền gốc và lãi. Khoản vay này N chưa thu được tiền gốc và lãi. Đến ngày 12/8/2023, chị P1 đến nhà N để hỏi về việc còn nợ lại bao nhiêu tiền, sau khi tính toán, thì tổng số tiền chị Nguyễn Thị P1 còn nợ N là 34.000.000 đồng, cụ thể: 10.000.000 đồng của khoản vay ngày 19/6/2023 và số tiền 24.000.000 đồng của khoản vay ngày 05/7/2023 (trong đó 20.000.000 đồng tiền gốc và 4.000.000 đồng tiền lãi). N thấy hoàn cảnh gia đình nhà chị Nguyễn Thị P1 khó khăn nên giảm cho chị P1 4.000.000 đồng tiền lãi, chỉ tính số tiền gốc 30.000.000 đồng. Hiện nay, chị P1 đã trả cho N số tiền 20.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 10.000.000 đồng. Khoản vay này N chưa thu được tiền lãi.

Như vậy, tổng số tiền N cho chị P1 vay **75.000.000 đồng**. N thu lợi bất chính tổng số tiền là **7.799.085 đồng**.

Vậy, Nguyễn Thị Thanh N đã cho tổng cộng 05 người vay với tổng số tiền cho vay là **382.500.000** đồng và đã thu lợi bất chính tổng số tiền là **61.424.649** đồng.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Cáo trạng số 11/CT-VKS-HS ngày 13 tháng 5 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thanh N về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thanh N phạm tội: “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 201; Điều 36; các điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh N từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh N.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 35, khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị Thanh N số tiền từ 40.000.000đ đến 50.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Đối với số tiền thu lợi bất chính là **61.424.649** đồng mà bị cáo đã thu từ những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (người vay), bị cáo đã trả lại đủ số tiền trên cho những người vay và những người không yêu gì thêm nên không đề cập xử lý.

Đối với số tiền gốc **358.333.200** và tiền lãi (20%/năm) không vượt quá lãi suất quy định mà bị cáo đã thu được của người vay là 6.575.351 đồng. Cần phải truy thu sung công quỹ nhà nước.

Đối với số tiền nợ gốc mà chị Nguyễn Thị Vân A đã vay của bị cáo nhưng chưa trả hết cho bị cáo số tiền 4.166.700 đồng; anh Bùi Văn H số tiền vay chưa trả 3.333.400 đồng; chị Nguyễn Thị H1 số tiền vay chưa trả 6.666.700 đồng; chị Nguyễn Thị P1 số tiền vay chưa trả 10.000.000 đồng cần phải truy thu sung quỹ nhà nước.

Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, màu trắng, số IMEI 1: 353110101430858; IMEI 2: 353110101340958; gắn thẻ sim mạng Vinaphone, số thuê bao 0857720721 số seri 89840200011417157284.

Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án 09 (chín) cuốn vở ô ly học sinh, bên trong có các con số, chữ số nội dung có liên quan đến hoạt động vay tiền của bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Thanh N không tranh luận lại với đại diện Viện kiểm sát, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố thì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, đúng như Kết luận điều tra, Cáo trạng đã truy tố bị cáo. Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ tháng 01/2023 đến tháng 01/2024, tại địa bàn huyện K, Nguyễn Thị Thanh N đã cho 05 người vay tiền, với tổng số tiền cho vay 382.500.000 đồng, lãi suất từ 121,6% đến 243,3%. Tổng số tiền lãi đã thu là 68.000.000, tổng số tiền lãi suất cao nhất được Nhà nước cho phép, tại thời điểm cho vay là 6.575.351 đồng, bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền là 61.424.649 đồng.

Tại Điều 468 Bộ luật dân sự quy định:

“1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay....”.

Bị cáo đã cho những người dân vay với lãi suất vượt quá gấp từ 06 lần đến 12,15 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính

số tiền 61.424.649 đồng. Như vậy, đã đủ cơ sở để kết luận: Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại bản án hình sự phúc thẩm số 363/HSPT ngày 22/12/2011, TAND tỉnh Đắk Lắk xử phạt bị cáo 03 năm 06 tháng tù về tội chứa mại dâm, bị cáo chấp hành hình phạt tù xong ngày 19/11/2022, chưa được xóa án tích đến tháng 01 năm 2023 lại tiếp tục phạm tội, do đó, bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b và điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo và xử bị cáo mức hình phạt cải tạo không giam giữ là phù hợp.

Xét bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định nên cần miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 201, khoản 2 Điều 35 của Bộ luật hình sự, căn cứ khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về Nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

“Trường hợp hình phạt chính được áp dụng không phải hình phạt tiền thì phải xem xét áp dụng nghiêm khắc hình phạt bổ sung là hình phạt tiền”.

Do vậy, cần áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, màu trắng, số IMEI 1: 353110101430858; IMEI 2: 353110101340958; gắn thẻ sim mạng

Vinaphone, số thuê bao 0857720721 số seri 89840200011417157284 là công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với 09 (chín) cuốn vở ô ly học sinh, bên trong có các con số, chữ số nội dung có liên quan đến việc cho vay tiền của bị cáo nên cần tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án.

Đối với số tiền thu lợi bất chính là **61.424.649** đồng mà bị cáo đã thu từ những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (người vay), bị cáo đã trả lại đủ số tiền trên cho những người vay và những người này không yêu cầu gì thêm nên không đề cập xử lý.

Đối với số tiền gốc **358.333.200** và tiền lãi (20%/năm) không vượt quá lãi suất quy định mà bị cáo đã thu được của người vay là 6.575.351 đồng. Cần phải truy thu sung công quỹ nhà nước.

Đối với **số tiền nợ gốc** mà chị Nguyễn Thị Vân A đã vay của bị cáo nhưng chưa trả hết cho bị cáo số tiền 4.166.700 đồng; anh Bùi Văn H số tiền vay chưa trả 3.333.400 đồng; chị Nguyễn Thị H1 số tiền vay chưa trả 6.666.700 đồng; chị Nguyễn Thị P1 số tiền vay chưa trả 10.000.000 đồng cần phải truy thu sung quỹ nhà nước.

[6]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Thanh N phạm tội: “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

[1.1]. Áp dụng: khoản 1 Điều 201; Điều 36; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh N 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. (Được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 05/01/2024 đến ngày 08/01/2024. Quy đổi thời gian tạm giữ 01 ngày = 03 ngày cải tạo không giam giữ) bị cáo còn phải chấp hành 11 tháng 18 ngày cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện K nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Thanh N cho Ủy ban nhân dân T1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, để giám sát, giáo dục bị cáo; Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh N.

[1.2] Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 2 Điều 35, khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh N 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

[2]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

[2.1] Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, màu trắng, số IMEI 1: 353110101430858; IMEI 2: 353110101340958; gắn thẻ sim mạng Vinaphone, số thuê bao 0857720721 số seri 89840200011417157284 (Có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 14 tháng 5 năm 2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K)

[2.2] Truy thu, buộc bị cáo Nguyễn Thị Thanh N phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 364.908.551 đồng (*ba trăm sáu mươi bốn triệu, chín trăm lẻ tám nghìn, năm trăm năm mươi một đồng*).

[2.3] Truy thu những người có tên dưới đây phải nộp số tiền nợ gốc còn lại chưa trả cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh N, để sung vào ngân sách nhà nước, cụ thể:

1. Chị Nguyễn Thị Vân A: 4.166.700 đồng (*bốn triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm đồng*).

2. Anh Bùi Văn H: 3.333.400 đồng (*ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm đồng*).

3. Chị Nguyễn Thị H1: 6.666.700 đồng (*sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm đồng*).

4. Chị Nguyễn Thị P1: 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*).

[2.4] Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án 09 (chín) cuốn vở ô ly học sinh, bên trong có các con số, chữ số nội dung có liên quan đến hoạt động vay tiền của bị cáo.

[3]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thanh N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

[4]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh; TANDTC;
- Sở tư pháp;
- VKSND huyện; tỉnh;
- CA huyện;
- THAHS; THADS;
- Bị cáo.
- Người có QLNVLQ;
- UBND TT. B;
- Lưu hồ sơ; VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Hữu Soái